

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)  
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại : 04.6276 5555  
Fax : 04.6276 5556  
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai  
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,  
Hà Nội  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888  
Fax

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Lựa chọn đơn vị kiểm toán  
- Báo cáo tài chính Quý II năm 2017

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường  
dẫn:

: <http://bhkh.com.vn/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hoàng Mai

**Tài liệu gửi kèm:**

-Báo cáo tài chính Quý II năm 2017

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	01/01/2017
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>901,378,038,046</b>	<b>860,944,545,290</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>101,644,209,118</b>	<b>294,534,377,663</b>
1. Tiền	111		81,644,209,118	53,534,377,663
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	241,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>355,869,550,000</b>	<b>289,559,374,481</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		355,972,693,670	294,398,842,347
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		(103,143,670)	(4,839,467,866)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>269,416,177,083</b>	<b>106,509,569,042</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		145,879,235,723	126,588,282,974
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	<b>7</b>	91,011,774,503	59,755,856,440
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	<b>8</b>	54,867,461,220	66,832,426,534
2. Trả trước cho người bán	132		3,852,220,615	2,088,086,114
4. Các khoản phải thu khác	136	<b>9</b>	158,974,924,477	16,943,701,142
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139	<b>10</b>	(39,290,203,732)	(39,110,501,188)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17,877,326,049</b>	<b>13,886,581,199</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>11</b>	16,818,751,751	13,238,813,921
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	31,366,782
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>16</b>	1,058,574,298	616,400,496
<b>VIII. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>12</b>	<b>156,570,775,796</b>	<b>156,454,642,905</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		76,561,981,493	70,485,217,921
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		80,008,794,303	85,969,424,984
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>569,656,360,090</b>	<b>214,214,531,993</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>9</b>	<b>10,134,043,598</b>	<b>9,475,031,828</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218		10,134,043,598	9,475,031,828
4.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		3,134,043,598	2,475,031,828
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7,039,762,768</b>	<b>6,446,926,997</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>13</b>	6,989,461,853	6,383,236,969
- Nguyên giá	222		21,641,312,036	21,144,068,041
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14,651,850,183)	(14,760,831,072)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>14</b>	50,300,915	63,690,028
- Nguyên giá	228		1,310,350,000	1,310,350,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,260,049,085)	(1,246,659,972)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>549,864,282,261</b>	<b>194,314,282,261</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		549,864,282,261	194,314,282,261
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,618,271,463</b>	<b>3,978,290,907</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,618,271,463	3,978,290,907
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,471,034,398,136</b>	<b>1,075,159,077,283</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

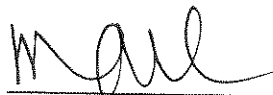
**MẪU SỐ B 01a-DNPNT**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	01/01/2017
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>675,536,357,199</b>	<b>559,450,158,399</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>675,425,345,999</b>	<b>555,837,959,172</b>
2. Phải trả cho người bán	312		133,348,029,016	89,671,668,395
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	133,133,471,395	88,098,456,438
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		214,557,621	1,573,211,957
3. Người mua trả tiền trước	313		6,291,043,255	6,223,838,546
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	7,492,452,462	8,164,329,253
5. Phải trả cho người lao động	315		6,434,618,125	9,917,936,334
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	12,660,021,724	3,961,632,296
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	15,748,897,767	7,812,612,599
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		469,251,113	634,719,806
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	492,981,032,537	429,451,221,943
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		284,767,888,452	240,875,146,511
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		171,208,661,816	153,700,221,956
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		37,004,482,269	34,875,853,476
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>111,011,200</b>	<b>3,612,199,227</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		110,011,200	3,611,199,227
<b>B-VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>795,498,040,937</b>	<b>515,708,918,884</b>
Vốn chủ sở hữu	410	19	795,498,040,937	515,708,918,884
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	500,000,000,000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		10,183,387,577	10,183,387,577
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14,685,346,640)	5,525,531,307
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,471,034,398,136</b>	<b>1,075,159,077,283</b>


Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2017


Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017***MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 2 năm 2017	Quý 2 năm 2016 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 2/2017	Lũy kế đầu năm đến cuối quý 2/2016
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	105,702,234,793	69,197,745,277	191,153,035,767	119,906,318,668
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	15,469,983,086	11,786,382,500	23,797,272,193	21,357,597,345
4. Thu nhập khác	13	618,387,901	28,378,102	669,279,497	74,858,797
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	110,476,413,813	66,979,092,398	202,991,713,774	118,096,700,737
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	-	-	-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	1,525,269,736	1,307,464,616	809,995,430	2,185,136,738
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	14,437,686,466	10,267,647,950	26,281,774,377	18,127,534,113
9. Chi phí khác	24	220,597,472	7,169,587	221,450,516	7,091,282
<b>10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)</b>	<b>50</b>	<b>(4,869,361,707)</b>	<b>2,451,131,328</b>	<b>(14,685,346,640)</b>	<b>2,922,311,940</b>
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	460,941,242	-	564,600,977
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>	<b>(4,869,361,707)</b>	<b>1,990,190,086</b>	<b>(14,685,346,640)</b>	<b>2,357,710,963</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2017	Quý 2 năm 2016 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 2/2017	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 2/2016 (Phân loại lại)
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>138,128,734,850</b>	<b>104,016,703,690</b>	<b>257,692,921,382</b>	<b>190,399,397,005</b>
- Phí bảo hiểm gốc	1.1		146,021,564,033	109,506,214,721	282,584,719,821	198,153,246,691
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2		13,959,525,651	6,798,741,048	19,000,943,502	13,974,972,400
- Tăng(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.3		21,852,354,834	12,288,252,079	43,892,741,941	21,728,822,086
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm(02=02.1-02.2)</b>	<b>2</b>	<b>21</b>	<b>41,025,827,949</b>	<b>39,558,401,984</b>	<b>82,648,756,799</b>	<b>78,434,385,743</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1		44,952,006,085	37,415,848,286	88,725,520,371	75,623,218,047
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2		3,926,178,136	(2,142,553,698)	6,076,763,572	(2,811,167,696)
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>3</b>		<b>97,102,906,901</b>	<b>64,458,301,706</b>	<b>175,044,164,583</b>	<b>111,965,011,262</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>4</b>		<b>8,599,327,892</b>	<b>4,739,443,571</b>	<b>16,108,871,184</b>	<b>7,941,307,406</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1		8,598,328,781	4,180,506,726	16,068,403,573	7,366,150,535
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.2		999,111	558,936,845	40,467,611	575,156,871
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>105,702,234,793</b>	<b>69,197,745,277</b>	<b>191,153,035,767</b>	<b>119,906,318,668</b>
<b>6. Chi bồi thường (11.1-11.2)</b>	<b>11</b>		<b>58,973,538,158</b>	<b>18,138,640,967</b>	<b>85,946,356,388</b>	<b>36,851,876,685</b>
- Tổng chi bồi thường	11.1		58,973,538,158	18,138,640,967	85,946,356,388	36,851,876,685
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>12</b>		<b>24,389,556,674</b>	<b>634,441,578</b>	<b>29,052,018,098</b>	<b>5,740,919,570</b>
<b>8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận TBH</b>	<b>13</b>		<b>3,280,768,229</b>	<b>25,847,567,696</b>	<b>17,508,439,860</b>	<b>33,835,954,003</b>
<b>9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>(6,422,807,171)</b>	<b>18,567,965,427</b>	<b>(5,960,630,681)</b>	<b>20,242,010,576</b>
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15= 11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>22</b>	<b>44,287,556,884</b>	<b>24,783,801,658</b>	<b>80,363,408,831</b>	<b>44,704,900,542</b>
<b>11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn</b>	<b>16</b>		<b>1,150,290,795</b>	<b>788,888,133</b>	<b>2,128,628,793</b>	<b>1,365,047,049</b>
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm(17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>	<b>23</b>	<b>65,038,566,134</b>	<b>41,406,402,607</b>	<b>120,499,676,150</b>	<b>72,026,753,146</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		8,072,637,523	5,574,217,131	14,075,549,564	9,777,624,519
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		56,965,928,611	35,832,185,476	106,424,126,586	62,249,128,627
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>110,476,413,813</b>	<b>66,979,092,398</b>	<b>202,991,713,774</b>	<b>118,096,700,737</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>(4,774,179,020)</b>	<b>2,218,652,879</b>	<b>(11,838,678,007)</b>	<b>1,809,617,931</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

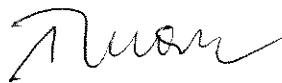
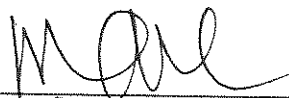
Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU SỐ B 02a-DNPNT**

Đơn vị: VND

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2017	Quý 2 năm 2016 (Phân loại lại)	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 2/2017	Lũy kế đầu năm đến cuối Quý 2/2016 (Phân loại lại)
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	15,469,983,086	11,786,382,500	23,797,272,193	21,357,597,345
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	1,525,269,736	1,307,464,616	809,995,430	2,185,136,738
<b>20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>13,944,713,350</b>	<b>10,478,917,884</b>	<b>22,987,276,763</b>	<b>19,172,460,607</b>
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	14,437,686,466	10,267,647,950	26,281,774,377	18,127,534,113
<b>22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>30</b>		<b>(5,267,152,136)</b>	<b>2,429,922,813</b>	<b>(15,133,175,621)</b>	<b>2,854,544,425</b>
23. Thu nhập khác	31		618,387,901	28,378,102	669,279,497	74,858,797
24. Chi phí khác	32		220,597,472	7,169,587	221,450,516	7,091,282
<b>25. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>397,790,429</b>	<b>21,208,515</b>	<b>447,828,981</b>	<b>67,767,515</b>
<b>26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(4,869,361,707)</b>	<b>2,451,131,328</b>	<b>(14,685,346,640)</b>	<b>2,922,311,940</b>
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	460,941,242	-	564,600,977
<b>29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50- 51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(4,869,361,707)</b>	<b>1,990,190,086</b>	<b>(14,685,346,640)</b>	<b>2,357,710,963</b>


Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

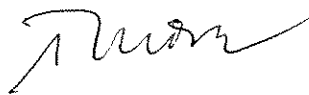
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

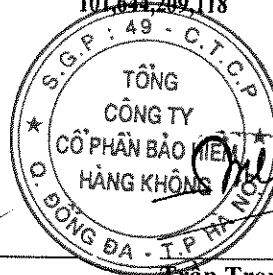
Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU SỐ B 03a-DNPNT**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
		2017	2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	424,472,969,454	264,300,012,552
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(271,800,212,083)	(178,231,475,448)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(45,874,978,136)	(24,091,427,775)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(173,333,333)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(442,173,802)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	314,439,765,323	6,086,664,510
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(493,135,828,962)	(380,959,029,841)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(72,513,791,539)</b>	<b>(312,895,256,002)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,701,340,909)	(4,040,783,634)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(919,050,500,000)	(401,346,400,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	476,232,400,000	537,704,800,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23,140,520,327	16,589,700,335
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(421,378,920,582)</b>	<b>148,907,316,701</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	300,000,000,000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	20,000,000,000	90,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20,000,000,000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	937,637,611	(16,000,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>300,937,637,611</b>	<b>74,000,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(192,955,074,510)</b>	<b>(89,987,939,301)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>294,534,377,663</b>	<b>212,146,243,133</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	64,905,965	(280,462,284)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>101,644,209,118</b>	<b>121,877,841,548</b>


Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2017



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 591 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 517 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

#### Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

#### Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hai mươi ba (23) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô và Sở Giao dịch.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 tới ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tổng Công ty.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giá, định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Tổng Công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DNPNT

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Công cụ tài chính (Tiếp theo)

##### *Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)*

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

*Dự phòng phí chưa được hưởng:* Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

*Dự phòng dao động lớn:* Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1121/BTC-QLBH ngày 22 tháng 01 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

##### Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Ghi nhận doanh thu

###### *Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) được hạch toán khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

###### *Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm*

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm". Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các kỳ sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

###### *Đối với các hoạt động khác*

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

##### Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục "Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc" và "Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm". Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	2,076,456,991	1,454,354,116
Tiền gửi ngân hàng	79,567,752,127	52,080,023,547
Các khoản tương đương tiền (i)	20,000,000,000	241,000,000,000
	<u>101,644,209,118</u>	<u>294,534,377,663</u>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2017		31/12/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
a) Chứng khoán kinh doanh	355,972,693,670	355,869,550,000	(103,143,670)	294,398,842,347
- Tổng giá trị cổ phiếu	4,417,193,670	4,314,050,000	(103,143,670)	38,398,842,347
b) Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	4,417,193,670	4,314,050,000	(103,143,670)	38,398,842,347
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	351,555,500,000	351,555,500,000	-	256,000,000,000
- Trái phiếu (iii)	351,555,500,000	351,555,500,000	-	220,000,000,000
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
a) Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	549,864,282,261	549,864,282,261	-	194,314,282,261
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	549,864,282,261	549,864,282,261	-	194,314,282,261
- Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	1,990,000,000	1,990,000,000	-	1,990,000,000
- Các khoản đầu tư khác (iv)	547,874,282,261	547,874,282,261	-	192,324,282,261

(i) Phân ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

(iv) Thẻ hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3.3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm và khoản đầu tư mua 2.751.200 cổ phiếu OTC của Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Thống Nhất với số tiền 133.620.247.969 VND; khoản đầu tư mua 1.276.365 cổ phiếu OTC của Công ty CP Armephaco với số tiền 58.712.790.000 VND, khoản đầu tư mua 4.650.000 cổ phiếu OTC của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công Mỹ Nghệ với số tiền: 232.500.000,000 đồng; khoản đầu tư mua 6.750.000 cổ phiếu OTC của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hồng Việt với số tiền 67.500.000,000 đồng; khoản đầu tư mua 5.500.000 cổ phiếu OTC của Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp với số tiền: 55.550.000,000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>33,208,641,897</b>	<b>35,019,219,495</b>
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	29,499,279,427	20,672,776,109
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	3,709,362,470	14,346,443,386
+ Công ty bảo hiểm PVI	1,357,803,543	13,602,438,371
+ Công ty bảo hiểm khác	2,351,558,927	744,005,015
<b>b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm</b>	<b>19,478,026,660</b>	<b>12,363,189,378</b>
<b>c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>35,785,637,820</b>	<b>10,910,255,353</b>
<b>d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp đồng bảo</b>	<b>1,200,390,390</b>	<b>768,606,615</b>
<b>e) Phải thu khác</b>	<b>1,339,077,736</b>	<b>694,585,599</b>
	<b>91,011,774,503</b>	<b>59,755,856,440</b>

**8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	2,401,348,599	17,980,933,329
Phải thu lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	-	1,904,400,000
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ Phần Sông Đà - Thăng Long (i)	46,662,595,121	46,662,595,121
Phải thu khác	5,803,517,500	284,498,084
	<b>54,867,461,220</b>	<b>66,832,426,534</b>

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 30.251.110.969 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 10).

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>158,974,924,477</b>	<b>16,943,701,142</b>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	150,094,550,320	158,591,491
- Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước (i)	150,000,000,000	
- Khác	94,550,320	158,591,491
Tạm ứng cho cán bộ	8,457,568,346	16,469,262,400
Khác	422,805,811	315,847,251
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10,134,043,598</b>	<b>9,475,031,828</b>
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược khác	3,134,043,598	2,475,031,828
	<b>169,108,968,075</b>	<b>26,418,732,970</b>

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**  
Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DNPNT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. NỢ XẤU**

	30/06/2017		31/12/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	55,788,682,435	39,290,203,732	55,738,643,071	39,110,501,188
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	46,662,595,121	33,272,401,590	46,662,595,121	33,272,401,590
Các đối tượng khác	9,126,087,314	6,017,802,142	9,076,047,950	5,838,099,598

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm		Từ 1 năm đến dưới 2 năm		Từ 2 năm đến dưới 3 năm		Từ 3 năm trở lên		Tổng nợ
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phí bảo hiểm gốc	198,651,117	192,286,390	192,286,390	343,679,390	3,476,530,836	4,211,147,733	4,914,939,582	9,126,087,314	
Phải thu tái bảo hiểm	2,604,352,417	1,598,827,990	491,738,973	220,020,202	2,803,003,533	1,791,114,380	835,418,363	3,696,551,038	
<b>Cộng</b>	<b>2,803,003,533</b>	<b>1,791,114,380</b>	<b>1,791,114,380</b>	<b>835,418,363</b>	<b>3,696,551,038</b>	<b>9,126,087,314</b>	<b>9,126,087,314</b>	<b>9,126,087,314</b>	

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 2  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</b>		
Số dư đầu năm	12,098,725,498	8,692,614,003
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	8,569,860,087	12,098,725,498
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	(5,402,250,858)	(8,692,614,003)
Số dư cuối kỳ	<b>15,266,334,727</b>	<b>12,098,725,498</b>
<b>2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác</b>		
	Số cuối quý	Số cuối năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,552,417,024	1,140,088,423
	<b>1,552,417,024</b>	<b>1,140,088,423</b>
	<b>16,818,751,751</b>	<b>13,238,813,921</b>

**12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	76,561,981,493	70,485,217,921
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	80,008,794,303	85,969,424,984
	<b>156,570,775,796</b>	<b>156,454,642,905</b>

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2017	10,378,055,050	10,766,012,991	21,144,068,041
Tăng trong kỳ	1,387,650,909	209,645,000	1,597,295,909
Giảm trong kỳ	(1,100,051,914)	-	(1,100,051,914.0)
Số dư tại ngày 30/06/2017	<b>10,665,654,045</b>	<b>10,975,657,991</b>	<b>21,641,312,036</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2017	5,419,560,152	9,341,270,920	14,760,831,072
Khấu hao trong kỳ	633,260,593	332,599,586	965,860,179
Giảm trong kỳ	(1,074,841,068)	-	(1,074,841,068)
Số dư tại ngày 30/06/2017	<b>4,977,979,677</b>	<b>9,673,870,506</b>	<b>14,651,850,183</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2017	4,958,494,898	1,424,742,071	6,383,236,969
Số dư tại ngày 30/06/2017	<b>5,687,674,368</b>	<b>1,301,787,485</b>	<b>6,989,461,853</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính, website VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2017	1,310,350,000	1,310,350,000
Tăng trong kỳ	-	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0
Số dư tại ngày 30/06/2017	<b>1,310,350,000</b>	<b>1,310,350,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2017	1,246,659,972	1,246,659,972
Tăng trong kỳ	13,389,113	13,389,113
Giảm trong kỳ		0
Số dư tại ngày 30/06/2017	<b>1,260,049,085</b>	<b>1,260,049,085</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2017	63,690,028	63,690,028
Số dư tại ngày 30/06/2017	<b>50,300,915</b>	<b>50,300,915</b>

**15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>91,232,201,840</b>	<b>73,070,437,432</b>
<i>Công ty Willis Singapore</i>	54,637,729,305	41,313,008,694
<i>Công ty Willis London</i>	3,712,142,874	15,750,938,355
<i>Công ty Korean Re</i>	13,608,495,044	
<i>Các công ty bảo hiểm khác</i>	19,273,834,617	16,006,490,383
<b>b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm</b>	<b>2,517,798,479</b>	<b>2,585,976,276</b>
<b>c) Phải trả bồi thường bảo hiểm</b>	<b>34,267,665,145</b>	<b>7,147,663,180</b>
<i>Tổng công ty hàng không Việt Nam</i>	18,097,037,010	0
<i>Tổng công ty tái bảo hiểm Việt Nam</i>	7,223,570,583	3,047,289,808
<i>Các khách hàng khác</i>	8,947,057,552	4,100,373,372
<b>d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm</b>	<b>1,969,645,678</b>	<b>1,881,801,729</b>
<b>e) Phải trả khác</b>	<b>3,146,160,253</b>	<b>3,412,577,821</b>
	-	
	<b>133,133,471,395</b>	<b>88,098,456,438</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 2  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
<b>a. Số phải thu</b>	<b>1,058,574,298</b>	<b>616,400,496</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,058,574,298	616,400,496
<b>b. Số phải trả</b>	<b>7,492,452,462</b>	<b>8,164,329,253</b>
Thuế giá trị gia tăng	6,518,245,276	7,153,876,158
Thuế thu nhập cá nhân	167,792,220	364,543,053
Thuế khác	9,475,050	(500,000)
Thuế, phí phải nộp khác	796,939,916	646,410,042
	<b>7,492,452,462</b>	<b>8,164,329,253</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>(1) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</b>		
Số dư đầu kỳ	7,812,612,599	5,861,510,364
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	11,485,773,549	7,812,612,599
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	(3,549,488,381)	(5,861,510,364)
Số dư cuối kỳ	<b>15,748,897,767</b>	<b>7,812,612,599</b>
<b>(2) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả Bảo hiểm xã hội	52,363,936	71,771,138
Phải trả Bảo hiểm y tế	2,643,603	9,445,751
Phải trả kinh phí Công đoàn	471,090,704	261,503,839
Phải trả cho các cổ đông	6,352,051,511	214,413,900
Phải trả khác	5,781,871,970	3,404,497,668
	<b>12,660,021,724</b>	<b>3,961,632,296</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

	30/06/2017		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
<b>1. Dự phòng bồi thường</b>	<b>171,208,661,816</b>	<b>80,008,794,303</b>	<b>91,199,867,513</b>
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	153,746,755,833	75,170,459,201	78,576,296,632
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo IBNR	17,461,905,983	4,838,335,102	12,623,570,881
<b>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</b>	<b>284,767,888,452</b>	<b>76,561,981,493</b>	<b>208,205,906,959</b>
<b>Cộng</b>	<b>455,976,550,268</b>	<b>156,570,775,796</b>	<b>299,405,774,472</b>

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
Số dư tại ngày 01/01/2017	153,700,221,956	85,969,424,984	67,730,796,972
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	17,508,439,860	(5,960,630,681)	23,469,070,541
Số dư tại ngày 30/06/2017	171,208,661,816	80,008,794,303	91,199,867,513

**2. Dự phòng phí chưa được hưởng**

	Từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
Số dư tại ngày 01/01/2015	240,875,146,511	70,485,217,921	170,389,928,590
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	43,892,741,941	6,076,763,572	37,815,978,369
Số dư tại ngày 31/12/2017	284,767,888,452	76,561,981,493	208,205,906,959

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ	34,875,853,476	31,431,550,285
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm	2,128,628,793	3,444,303,191
Số dư cuối kỳ	37,004,482,269	34,875,853,476

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng cộng VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016</b>				
Số dư tại 01/01/2016	500,000,000,000	9,892,570,140	5,951,896,171	515,844,466,311
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(5,500,000,000)	(5,500,000,000)
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm				-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				-
Lợi nhuận năm 2016			5,816,348,744	5,816,348,744
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)		290,817,437	(290,817,437)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(451,896,171)	(451,896,171)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi(*)				-
Số dư tại 31/12/2016	<b>500,000,000,000</b>	<b>10,183,387,577</b>	<b>5,525,531,307</b>	<b>515,708,918,884</b>
<b>Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017</b>				
Số dư tại 01/01/2016	500,000,000,000	10,183,387,577	5,525,531,307	515,708,918,884
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(5,200,000,000)	(5,200,000,000)
Thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm				-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				-
Lợi nhuận 6 tháng năm 2017			(14,685,346,640)	(14,685,346,640)
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)				-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(325,531,307)	(325,531,307)
Tăng vốn chủ sở hữu (ii)	300,000,000,000			300,000,000,000
Số dư tại 30/06/2017	<b>800,000,000,000</b>	<b>10,183,387,577</b>	<b>(14,685,346,640)</b>	<b>795,498,040,937</b>

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016.

(ii) Ngày 16/05/2017 Tổng công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thêm 300 tỷ đồng, nâng tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty lên 800 tỷ đồng.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Thu phí bảo hiểm gốc</b>	<b>282,710,492,644</b>	<b>198,182,743,876</b>
Bảo hiểm hàng không	24,284,435,014	49,129,566,535
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	7,885,575,587	4,736,819,475
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	20,982,187,443	11,039,074,500
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	12,337,384,325	9,000,684,603
Bảo hiểm xe cơ giới	198,135,895,765	111,463,717,485
Bảo hiểm cháy, nổ	14,333,442,947	8,333,152,594
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3,030,819,475	1,478,051,605
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1,671,576,070	2,976,287,800
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	49,176,018	25,389,279
<b>Các khoản giảm phí bảo hiểm gốc</b>	<b>(125,772,823)</b>	<b>(29,497,185)</b>
<b>Phí nhận tái bảo hiểm</b>	<b>19,011,738,355</b>	<b>14,125,749,926</b>
Bảo hiểm hàng không	(715,221,363)	19,408,713
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	10,891,450,247	1,226,876,036
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	6,292,134,081	7,909,294,102
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	166,766,049	169,642,561
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy, nổ	2,152,623,327	3,306,001,343
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	84,963,621	1,400,929,187
Bảo hiểm trách nhiệm chung	119,581,657	63,125,268
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	19,440,736	30,472,716
<b>Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)</b>	<b>(10,794,853)</b>	<b>(150,777,526)</b>
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>(43,892,741,941)</b>	<b>(21,728,822,086)</b>
<b>Cộng</b>	<b>257,692,921,382</b>	<b>190,399,397,005</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Tổng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>88,725,520,371</b>	<b>75,623,218,047</b>
Bảo hiểm hàng không	23,029,170,828	47,434,891,745
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	-	54,536,105
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	11,736,978,653	10,608,803,645
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	7,133,912,588	5,241,850,505
Bảo hiểm xe cơ giới	33,609,519,050	1,564,735,030
Bảo hiểm cháy, nổ	12,180,231,571	8,696,386,054
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	834,387,237	1,115,739,187
Bảo hiểm trách nhiệm chung	156,518,136	867,060,664
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	44,802,308	39,215,112
<i>Bảo hiểm khác</i>	-	-
<b>(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(6,076,763,572)</b>	<b>2,811,167,696</b>
<b>Cộng</b>	<b>82,648,756,799</b>	<b>78,434,385,743</b>

**22. TỔNG CHI BÒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<b>Chi bồi thường</b>	<b>85,946,356,388</b>	<b>36,851,876,685</b>
Bảo hiểm hàng không	22,408,521,293	1,421,066,649
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	8,114,689,538	2,114,225,406
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	5,810,856,777	3,955,668,561
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	2,066,952,513	460,034,725
Bảo hiểm xe cơ giới	45,953,324,460	24,328,651,137
Bảo hiểm cháy, nổ	1,287,723,727	3,241,651,116
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	138,742,580	1,282,432,728
Bảo hiểm trách nhiệm chung	165,545,500	48,146,363
<b>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>(29,052,018,098)</b>	<b>(5,740,919,570)</b>
<b>Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</b>	<b>17,508,439,860</b>	<b>33,835,954,003</b>
<b>(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	<b>5,960,630,681</b>	<b>(20,242,010,576)</b>
<b>Cộng</b>	<b>80,363,408,831</b>	<b>44,704,900,542</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	(Phân loại lại) VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	14,075,549,564	9,777,624,519
Chi đòi người thứ 3	15,992,839	105,280,981
Chi xử lý hàng bồi thường 100%	-	-
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	30,219,006	11,359,428
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	12,429,091	86,288,561
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	59,766,770,646	33,263,303,909
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	45,029,314,198	27,829,565,614
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	1,412,152,387	809,132,337
Chi phí khác	157,248,419	144,197,797
<b>Cộng</b>	<b>120,499,676,150</b>	<b>72,026,753,146</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6,981,335,597	11,123,397,558
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	12,588,896,019	9,470,853,405
<i>Lãi trái phiếu</i>	<i>1,972,557,374</i>	<i>2,316,339,796</i>
<i>Thu lãi đầu tư cổ phiếu</i>	<i>10,616,338,645</i>	<i>7,154,513,609</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,129,330,500	576,561,931
Lãi chênh lệch tỷ giá	257,293,522	186,784,451
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,840,416,555	0
	<b>23,797,272,193</b>	<b>21,357,597,345</b>

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10,117,525	206,292,920
Chi phí kinh doanh chứng khoán	5,362,868,901	6,150,208,826
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	(4,736,324,196)	(4,873,677,292)
Chi phí lãi vay	173,333,333	421,850,000
Chi phí hoạt động tài chính khác	-133	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	280,462,284
	<b>809,995,430</b>	<b>2,185,136,738</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	(Phân loại lại) VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	18,268,698,735	12,141,363,180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,585,548,642	4,200,971,623
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	179,702,544	70,640,160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	417,746,156	435,179,115
Chi phí dụng cụ văn phòng	130,979,632	122,819,712
Chi phí vật liệu quản lý	847,469,020	535,798,560
Thuế, phí và lệ phí	301,628,341	248,151,413
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	260,266,668	246,440,865
Chi phí quản lý khác	289,734,639	126,169,485
	<b>26,281,774,377</b>	<b>18,127,534,113</b>

**27. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

	Từ 01/07/2016 đến 30/06/2017	Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>I. Biên khả năng thanh toán (I = (1) – (2) – (3))</b>	<b>579,762,787,797</b>	<b>375,743,810,811</b>
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	795,498,040,937	512,250,281,103
2. Tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	41,535,410,600	30,034,761,120
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	174,199,842,540	106,471,709,172
<b>II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu (Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b))</b>	<b>105,195,665,112</b>	<b>59,880,730,393</b>
(a). 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại	105,195,665,112	59,880,730,393
(b). 12,5% tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	72,757,905,136	47,298,530,353
<b>III. So sánh (I) và (II)</b>		
Theo số tuyệt đối	<b>474,567,122,686</b>	<b>315,863,080,418</b>
Theo tỷ lệ phần trăm	<b>551%</b>	<b>627%</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu  
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Nội dung	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016		
		Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	121,293,805,179	(3,197,104,442)	118,096,700,737
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	65,446,233,069	(3,197,104,442)	62,249,128,627
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14,930,429,671	3,197,104,442	18,127,534,113

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:



Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai  
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2017

